

THỰC TRẠNG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP CỦA HỌC SINH CÁC TRƯỜNG TIỂU HỌC QUẬN NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Lê Thị Diệu Lý

Trường Tiểu học An Lạc, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
Email: ltdly1980@gmail.com

Article History

Received: 19/8/2020

Accepted: 16/9/2020

Published: 20/10/2020

Keywords

learning activities, students, primary schools, management, Can Tho city.

ABSTRACT

Managing learning activities of students in primary schools in Ninh Kieu district, Can Tho province has achieved some remarkable results, but there are still certain limitations. The article presents the current situation of managing students' learning activities at primary schools in Ninh Kieu district, Can Tho city to contribute to improving the quality of comprehensive education for primary school students in Can Tho province. The current situation of learning activity management mentioned above is the basis for proposing measures to manage learning activities of students in primary schools in Ninh Kieu district, Can Tho city.

1. Mở đầu

Trong bối cảnh đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục đang được đẩy mạnh, việc đặt ra những yêu cầu đổi mới về quản lý hoạt động học tập (HĐHT) của học sinh (HS) ngày càng trở nên cấp thiết, đặc biệt khi mục tiêu giáo dục tiểu học là hình thành nhân cách và phát triển các năng lực học tập cá nhân cho người học. Chiến lược phát triển GD-ĐT 2011-2020 đã khẳng định: “Phát triển giáo dục phải thực sự là quốc sách hàng đầu, là sự nghiệp của Đảng, Nhà nước và của toàn dân” (Thủ tướng Chính phủ, 2012). Quản lý tốt HĐHT của HS sẽ giúp các em có thái độ, động cơ học tập đúng đắn, rèn luyện tính kỉ luật, tự giác trong học tập, góp phần nâng cao hiệu quả học tập, từ đó nâng cao chất lượng GD-ĐT của nhà trường. HĐHT trên lớp của HS là một trong những hoạt động đóng vai trò quyết định kết quả học tập của HS. Hoạt động đó được sự quản lý trực tiếp của giáo viên (GV) và tùy từng GV có thể có những quy định riêng theo môn học mà mình giảng dạy.

Đề tài về quản lý HĐHT của HS ở các địa phương đã được các nhà khoa học quan tâm nghiên cứu nhưng chưa có nhiều công trình: Nguyễn Văn Định (2019) với đề tài quản lý HĐHT của HS các trường trung học phổ thông vùng Đồng bằng sông Cửu Long; Nguyễn Văn Tý (2019) nghiên cứu về quản lý HĐHT của HS người dân tộc thiểu số ở các trường trung học cơ sở huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị... Các tác giả đã khái quát thực trạng vấn đề và đề xuất biện pháp quản lý phù hợp tại các cơ sở giáo dục ở địa phương. Đối với giáo dục quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ, việc quản lý HĐHT của HS ở các trường tiểu học đã đạt được một số kết quả đáng ghi nhận nhưng vẫn còn hạn chế nhất định. Vì vậy, xây dựng được hệ thống lí luận và làm sáng tỏ thực trạng sẽ là cơ sở để đề xuất được các giải pháp quản lý HĐHT của HS. Đây là việc làm cần thiết, khả thi, góp phần nâng cao chất lượng dạy học tiểu học.

Bài báo trình bày thực trạng quản lý HĐHT của HS tại các trường tiểu học quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ nhằm góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho HS tiểu học tỉnh Cần Thơ.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Một số khái niệm

2.1.1. Hoạt động học tập

HĐHT là hoạt động chủ đạo của HS, đây là quá trình nhận thức và tự nhận thức. Có rất nhiều khái niệm về HĐHT. Trong Từ điển Tâm lí học, “HĐHT là hoạt động chủ đạo của lứa tuổi HS bé. Trong HĐHT diễn ra sự nắm bắt có kiểm soát những cơ sở kinh nghiệm xã hội và nhận thức, trước hết dưới dạng các thao tác trí tuệ và khái niệm lí luận cơ bản” (Vũ Dũng, 2008, tr 325). Theo Phạm Minh Hạc (1996, tr 62): “HĐHT là khái niệm dùng để chỉ việc học diễn ra theo phương thức đặc thù (phương thức nhà trường), nhằm lĩnh hội các hiểu biết mới, kĩ năng, kĩ xảo mới”.

Có thể nói, HĐHT là hoạt động bằng chính khối óc và cơ bắp, nhằm chiếm lĩnh tri thức, hình thành nên những giá trị, những kinh nghiệm và phương thức hoạt động tạo nên sự phát triển cho bản thân người học bằng một phương thức nhất định. Theo Lê Văn Hồng và cộng sự (1998), HĐHT là hoạt động đặc thù của con người được điều khiển bởi mục đích tự giác là lĩnh hội những tri thức, kĩ năng, kĩ xảo mới, những hình thức hành vi và những dạng hoạt động nhất định, những giá trị.

Như vậy, HĐHT là hoạt động đặc thù của HS được điều khiển bởi mục đích tự giác nhằm lĩnh hội những tri thức, kĩ năng, kĩ xảo mới.

2.1.2. Quản lý hoạt động học tập

QL HĐHT của HS là một trong những nội dung trọng tâm của công tác giáo dục trong trường học. Quản lý HĐHT là quản lý hệ thống các thành tố của HĐHT: mục tiêu, nội dung, phương pháp, phương tiện, điều kiện, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, chủ thể của HS thực hiện học tập. Phạm Viết Vượng (1996) cho rằng: “Quản lý HĐHT là hệ thống những tác động có mục đích, có kế hoạch giúp HS học tập tốt nhất, rèn luyện tu dưỡng tốt nhất. Quản lý HĐHT của HS bao hàm cả quản lý thời gian và chất lượng học tập, quản lý tinh thần, thái độ và phương pháp học tập”.

2.2. Kết quả khảo sát thực trạng quản lý hoạt động học tập của học sinh trường tiểu học quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

- *Đối tượng khảo sát*: 250 người, gồm: 12 cán bộ quản lý (CBQL); 88 GV; 150 HS.

- *Địa bàn khảo sát*: 5 trường tiểu học trong quận Ninh Kiều (Lê Lợi, Ngô Quyền, Cái Khế 1, Trần Quốc Toàn, An Bình 3).

- *Thời gian khảo sát*: từ tháng 9/2019 đến tháng 1/2020.

- *Phương pháp khảo sát*: Điều tra bằng bảng hỏi; Trưng cầu ý kiến đối với các đối tượng được khảo sát; Phòng vấn và quan sát; Nghiên cứu sản phẩm hoạt động: xem tập, vở bài tập, các bài kiểm tra định kì...

- *Cách thức xử lý số liệu*: Tính điểm trung bình (ĐTB) theo công thức, trong đó x_i là điểm đạt được ở mức i , n_i số lượt chọn mức i , n là tổng số lượt người tham gia đánh giá; các nội dung thông qua bảng khảo sát theo 4 mức, $\max = 4$, $\min = 1$. Số liệu khảo sát được xử lý bằng phần mềm Microsoft Office Excel. Quy ước tính điểm trình bày ở bảng 1:

Bảng 1. Quy ước tính điểm

Mức	Điểm trung bình	Các mức độ đánh giá thực trạng		
1	< 1,75	Chưa đạt	Hiếm khi	Không ảnh hưởng
2	1,75-2,49	Trung bình	Thỉnh thoảng	Ít ảnh hưởng
3	2,50-3,24	Khá	Thường xuyên	Anh hưởng
4	3,25-4,0	Tốt	Rất thường xuyên	Rất ảnh hưởng

Độ lệch chuẩn (ĐLC): dùng hàm STDEVP tính độ lệch chuẩn trong Microsoft Office Excel; Thứ bậc (TB): xếp theo giá trị trung bình từ cao đến thấp, tương ứng với thứ bậc 1, thứ bậc 2, thứ bậc 3, thứ bậc 4.

2.2.1. Thực trạng quản lý mục tiêu học tập của học sinh

Bảng 2. Thực trạng quản lý mục tiêu học tập của HS

STT	Nội dung quản lý	CBQL			GV		
		ĐTB	ĐLC	TB	ĐTB	ĐLC	TB
1	Xác định các mục tiêu, chỉ tiêu học tập cần đạt	2,83	1,04	4	2,95	0,85	3
2	Tổ chức thực hiện kế hoạch học tập của HS	3,33	0,89	2	3,26	0,76	2
3	Chỉ đạo thực hiện mục tiêu học tập của HS	3,83	1,39	1	3,93	1,61	1
4	Dự kiến kiểm tra, đánh giá thực hiện mục tiêu học tập	2,92	1,17	3	2,84	0,42	4

Bảng 2 cho thấy, việc quản lý mục tiêu học tập của hiệu trưởng các trường được thực hiện ở các mức khá và tốt, có sự tương đồng giữa ý kiến CBQL và GV. Nội dung “Tổ chức thực hiện kế hoạch học tập của HS” và “Chỉ đạo thực hiện mục tiêu học tập của HS” được đánh giá đạt mức tốt (Điểm TB CBQL: 3,83, GV: 3,93, xếp thứ 1 trong bảng). Điều này cho thấy sự chỉ đạo của hiệu trưởng về tổ chức thực hiện kế hoạch, mục tiêu học tập cho HS rất tốt.

Việc “Xác định các mục tiêu, chỉ tiêu học tập cần đạt” và “Kiểm tra, đánh giá thực hiện mục tiêu học tập” được CBQL và GV đánh giá mức độ thực hiện khá cho thấy, GV chưa xác định rõ mục tiêu, chỉ tiêu cần đạt, việc đánh giá kết quả học tập của HS chưa đạt hiệu quả cao, chưa tạo cho HS phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo trong các HĐHT, giáo dục cũng như giúp các em khắc phục được sai sót của mình.

Trao đổi với cô N.T.L - phó hiệu trưởng trường tiểu học, có thể thấy, đa số GV chưa quan tâm nhiều đến việc xác định mục tiêu, chỉ tiêu cần đạt trong học tập cho HS dẫn đến hiệu quả đánh giá kết quả học tập của HS không đạt mức cao. Để thực sự đáp ứng được yêu cầu của cấp học hiện nay thì hiệu trưởng cần tăng cường chỉ đạo GV và luôn theo sát kiểm tra, đánh giá việc thực hiện xác định mục tiêu học tập cho HS của GV và kết quả thực hiện mục tiêu học tập của HS, có như vậy mới nắm rõ được tình hình để có hướng hỗ trợ, điều chỉnh kịp thời công tác quản lý, chỉ đạo thực hiện mục tiêu học tập đạt hiệu quả cao.

2.2.2. Thực trạng quản lý nội dung học tập của học sinh

Bảng 3. Thực trạng quản lý nội dung học tập của HS

STT	Nội dung quản lý	CBQL			GV		
		ĐTB	ĐLC	TB	ĐTB	ĐLC	TB
1	Nắm vững nội dung học tập của HS	3,75	1,23	1	3,25	0,67	2
2	Lập kế hoạch thực hiện nội dung học tập	3,50	1,05	3	3,51	0,66	1
3	Tổ chức triển khai nội dung học tập theo thời khóa biểu	3,08	1,15	4	3,01	0,67	4
4	Chỉ đạo thực hiện đổi mới HĐHT	3,67	1,40	2	3,24	0,83	3
5	Kiểm tra, đánh giá thực hiện nội dung học tập	2,67	1,06	5	2,27	0,31	5

Bảng 3 cho thấy, việc đánh giá của CBQL và GV quản lý nội dung học tập ở các trường được thực hiện ở các mức khá, tốt. Hiệu trưởng đã có những biện pháp quản lý hiệu quả việc thực hiện nội dung học tập của HS trong quá trình học tập, cụ thể như: về “Nắm vững nội dung học tập của HS, lập kế hoạch thực hiện nội dung học tập, chỉ đạo thực hiện đổi mới HĐHT” được đánh giá mức tốt (Điểm TB CBQL: 3,75; GV: 3,51, xếp thứ 1).

Qua tìm hiểu thực tế, chúng tôi nhận thấy bản kế hoạch của hiệu trưởng tại các trường tiểu học thể hiện khá rõ nội dung nâng cao chất lượng đáp ứng yêu cầu phát triển của xã hội và phổ biến kịp thời các thông tư, chỉ thị, hướng dẫn của cấp trên (nội dung “Tổ chức triển khai nội dung học tập” điểm TB CBQL: 3,08; GV: 3,01 xếp thứ 2). Điều này cho thấy, việc tổ chức thực hiện nội dung học tập cho HS được lãnh đạo nhà trường thực hiện khá nghiêm túc. Ngoài ra, nội dung “Kiểm tra, đánh giá thực hiện nội dung học tập” được CBQL và GV đánh giá mức độ trung bình khá (Điểm TB CBQL: 2,67, GV: 2,27, xếp thứ 5) cho thấy đối với nội dung này, việc quản lý của nhà trường còn mang tính hình thức, chưa có sự kiểm tra chặt chẽ.

Để đáp ứng yêu cầu đổi mới GD-ĐT, nâng cao chất lượng giáo dục, hiệu trưởng các trường cần tổ chức triển khai nội dung học tập một cách hợp lý và tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của HS thường xuyên để kịp thời điều chỉnh nội dung học tập cho phù hợp.

2.2.3. Thực trạng quản lý phương pháp học tập của học sinh

Bảng 4. Thực trạng quản lý phương pháp học tập của HS

STT	Nội dung	CBQL			GV		
		ĐTB	ĐLC	TB	ĐTB	ĐLC	TB
1	Lập kế hoạch thực hiện đổi mới phương pháp học tập	3,17	1,02	2	3,07	0,85	2
2	Tổ chức bồi dưỡng đổi mới phương pháp học tập	2,50	0,28	5	2,60	0,41	4
3	Chỉ đạo thực hiện đổi mới phương pháp qua thực tiễn học tập	3,42	1,24	1	3,76	1,33	1
4	Kiểm tra, đánh giá phương pháp học tập	3,00	1,02	3	2,83	0,81	3
5	Động viên, khích lệ HS sử dụng phương pháp học tập theo xu hướng đổi mới	2,13	0,47	4	2,25	0,25	5

Kết quả khảo sát ở bảng 4 cho thấy, nội dung “Chỉ đạo thực hiện đổi mới phương pháp qua thực tiễn học tập” được CBQL, GV đánh giá mức tốt, xếp thứ 1, thực trạng này xuất phát từ năng lực điều hành, tổ chức thực hiện đổi mới phương pháp qua thực tiễn học tập. Đa số hiệu trưởng đều chỉ đạo sâu sát, thể hiện vai trò tiên phong trong việc đổi mới phương pháp học tập tại trường, tổ chuyên môn phát huy được vai trò của mình trong việc thúc đẩy mỗi GV và HS đổi mới phương pháp dạy - học; do đó, nhiều GV thực hiện đổi mới phương pháp trong các tiết dạy hằng ngày cũng như trong thao giảng, dự giờ, từ đó giúp HS phát huy được tính tích cực, chủ động độc lập trong học tập phát triển năng lực, phẩm chất một cách toàn diện.

Bên cạnh đó, CBQL và GV đều đánh giá nội dung “Động viên, khích lệ HS sử dụng phương pháp học tập theo xu hướng đổi mới” ở mức độ trung bình (Điểm TB CBQL: 2,13, GV: 2,25, xếp thứ 5) cho thấy, GV còn xem nhẹ việc động viên, khích lệ tinh thần cho HS trong học tập, CBQL không huy động được các nguồn tài trợ về kinh phí cho hoạt động này, nên việc khen thưởng chỉ mang tính khích lệ, chưa thực sự là nguồn động lực để HS tích cực hơn trong học tập.

Để quản lý tốt việc đổi mới phương pháp học tập nhằm nâng cao chất lượng giáo dục đòi hỏi hiệu trưởng cần quản lý nâng cao năng lực sư phạm, đổi mới phương pháp dạy và học, dạy học gắn với thực tiễn cuộc sống; tăng cường dự giờ, thăm lớp, tập huấn đổi mới phương pháp dạy - học cho GV, HS; bồi dưỡng HS linh hoạt phối hợp và

vận dụng nhiều phương pháp học tập khác nhau, trong đó, quan trọng nhất là bồi dưỡng phương pháp tự học cho HS. Đánh giá kết quả công tác của GV, phương pháp học tập của HS phải căn cứ vào kết quả đổi mới phương pháp dạy học.

2.2.4. Thực trạng quản lý hình thức tổ chức học tập của học sinh

Bảng 5. Thực trạng việc quản lý hình thức tổ chức học tập

STT	Nội dung	CBQL			GV		
		ĐTB	ĐLC	TB	ĐTB	ĐLC	TB
1	Xây dựng kế hoạch đổi mới hình thức học tập và các hình thức học tập khác	2,92	0,89	2	3,18	0,74	1
2	Tổ chức thực hiện đổi mới hình thức tổ chức học tập	3,08	1,15	1	2,67	0,75	3
3	Chỉ đạo thực hiện đổi mới hình thức tổ chức học tập	2,92	0,89	2	2,97	0,64	2
4	Kiểm tra, đánh giá kết quả hình thức học tập	2,67	1,06	3	2,66	0,81	4

Bảng 5 cho thấy, việc quản lý hình thức tổ chức học tập của HS các trường tiểu học của hiệu trưởng các trường đều thực hiện khá tốt, chứng tỏ việc xây dựng kế hoạch và chỉ đạo tổ chức thực hiện đổi mới các hình thức học tập đạt hiệu quả, các nội dung “xây dựng kế hoạch đổi mới hình thức học tập và các hình thức học tập khác”, “tổ chức thực hiện đổi mới hình thức tổ chức học tập”, “chỉ đạo thực hiện đổi mới hình thức tổ chức học tập” đều đạt thứ bậc cao (Điểm TB CBQL: 3,08-2,92; GV: 3,18 đến 2,97 xếp thứ 1 và 2). Bên cạnh đó, nội dung “kiểm tra, đánh giá kết quả hình thức học tập” chỉ đạt mức khá cao (Điểm TB CBQL: 2,67; GV: 2,66) xếp thứ 4. Điều này cho thấy, hiệu trưởng các trường chỉ thỉnh thoảng thực hiện kiểm tra, đánh giá hình thức học tập của HS dẫn đến kết quả phối hợp các hình thức trong HĐHT của HS chưa hiệu quả.

Như vậy, muốn HS đạt kết quả học tập tốt và chất lượng học tập của nhà trường được nâng cao hơn thì hiệu trưởng phải đổi mới quản lý và GV đổi mới hình thức tổ chức dạy học để đáp ứng với yêu cầu đổi mới mục tiêu giáo dục hiện nay.

2.2.5. Thực trạng quản lý phương tiện, điều kiện phục vụ hoạt động học tập của học sinh

Bảng 6. Thực trạng quản lý phương tiện phục vụ HĐHT của HS

STT	Nội dung	CBQL			GV		
		ĐTB	ĐLC	TB	ĐTB	ĐLC	TB
1	Lập kế hoạch trang bị, sử dụng, bảo quản các phương tiện phục vụ HĐHT	3,42	1,06	1	3,25	0,84	1
2	Tổ chức triển khai trang bị, sử dụng phát huy hiệu quả của các phương tiện học tập	2,50	0,52	4	2,40	0,35	4
3	Chỉ đạo việc khai thác, sử dụng có hiệu quả các phương tiện phục vụ HĐHT	2,58	0,39	3	2,50	0,38	3
4	Kiểm tra, đánh giá việc trang bị bảo quản và sử dụng các phương tiện phục vụ HĐHT	3,00	1,30	2	2,91	0,44	2

Bảng 6 cho thấy, việc quản lý sử dụng các phương tiện học tập trong các trường còn nhiều hạn chế, nhất là khâu sử dụng hiệu quả của phương tiện, thực hiện bảo quản, sửa chữa phương tiện. Nội dung “Lập kế hoạch trang bị, sử dụng, bảo quản các phương tiện học tập của HS” được đánh giá mức tốt (CBQL: 3,42; GV: 3,25, xếp thứ hạng 1), điều này cho thấy hiệu trưởng các trường quan tâm nhiều đến việc trang bị, sử dụng, bảo quản các phương tiện học tập của nhà trường rất tốt. Bên cạnh đó, nội dung “Kiểm tra, đánh giá việc trang bị bảo quản và sử dụng các phương tiện học tập” được đánh giá mức khá (CBQL: 3,00; GV: 2,91) xếp thứ hạng 2.

Nguyên nhân thực trạng này là do trình độ tin học, sử dụng các trang thiết bị công nghệ thông tin của GV còn hạn chế, đa phần GV chỉ biết sử dụng các phương tiện dạy học đơn giản; với các phương tiện đòi hỏi kỹ năng, thao tác cao hơn như máy tính bảng thông minh, máy scan, máy ghi âm, cassette, qua kiểm tra sổ đăng ký sử dụng thiết bị ở các trường, GV có mượn phương tiện dạy học nhưng không đủ theo quy định trong phân phối chương trình, nhất là môn Khoa học lớp 4, 5, cần sử dụng công nghệ thông tin để chèn hình ảnh động và video kèm âm thanh, ánh sáng sắc nét. Mặt khác, nhà trường có tiến hành kiểm tra, đánh giá việc sử dụng phương tiện học tập theo quy chế quản lý tài sản của Nhà nước, thực hiện chế độ kiểm kê, kiểm tra 1 lần/học kì và có hệ thống sổ sách quản lý mượn trả phương tiện học tập theo định kì nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm của GV.

Tuy nhiên, để đạt được mục tiêu đổi mới phương pháp học tập, nâng cao chất lượng giáo dục và để đảm bảo sự phát triển lâu dài cũng như các yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 (Bộ GD-ĐT, 2018), các trường cần có kế hoạch sử dụng và bảo quản và bổ sung, nâng cấp phương tiện, điều kiện thiết bị dạy - học hợp lý hơn nữa.

2.2.6. Thực trạng về quản lý công tác kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh

Bảng 7. Thực trạng quản lý công tác kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của HS

STT	Nội dung	CBQL			GV		
		ĐTB	ĐLC	TB	ĐTB	ĐLC	TB
1	Phổ biến các văn bản về quy định kiểm tra, đánh giá năng lực HS đến GV	3,58	1,22	1	3,27	0,70	1
2	Tổ chức bồi dưỡng năng lực kiểm tra, đánh giá cho GV	3,58	1,06	1	3,20	0,65	2
3	Chỉ đạo thực hiện đổi mới kiểm tra, đánh giá kết quả học tập	3,58	1,22	1	3,19	0,66	3
4	Kiểm tra thường xuyên và đột xuất việc đánh giá bằng nhận xét và điểm số của HS	3,08	0,62	2	2,78	0,55	4

Bảng 7 cho thấy, CBQL và GV đánh giá công tác kiểm tra, đánh giá kết quả học tập ở mức khá, tốt; trong đó, nội dung “Chỉ đạo thực hiện đổi mới kiểm tra, đánh giá kết quả học tập” ở mức tốt (ĐTB: CBQL: 3,58; GV: 3,27, xếp thứ 1); Bên cạnh đó, nội dung “Kiểm tra thường xuyên và đột xuất việc đánh giá bằng nhận xét và điểm số của HS” được đánh giá ở mức khá (ĐTB: CBQL: 3,08; GV: 2,78) xếp thứ 4.

Trong đầu năm học, hiệu trưởng đã phổ biến cho GV các văn bản về quy định kiểm tra, đánh giá năng lực, phẩm chất cho HS, tổ chức bồi dưỡng năng lực kiểm tra, đánh giá cho GV. Ngoài ra, các trường tổ chức bồi dưỡng năng lực kiểm tra, đánh giá cho GV trong các buổi họp hội đồng, sinh hoạt chuyên môn trường và định kì hàng tháng, đồng thời có kiểm tra tập vở HS để xem cách đánh giá của GV, duyệt các đề kiểm tra định kì trong năm đạt hiệu quả.

Qua trao đổi, cô H.T.X. L - Hiệu trưởng Trường Tiểu học TQT cho biết: “việc kiểm tra, đánh giá hiện nay chủ yếu mới chỉ tập trung vào đánh giá kết quả học tập để xếp loại HS... GV cũng gặp rất nhiều khó khăn khi phải đánh giá các hoạt động giáo dục khác (đánh giá các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, đánh giá năng lực, phẩm chất, kĩ năng sống...)”.

Mức độ quản lý công tác kiểm tra, đánh giá của hiệu trưởng bước đầu có chuyển biến khá, song kết quả đạt được vẫn chưa cao, chưa thực sự hướng đến việc đánh giá bằng nhận xét và điểm số của HS, nhất là khâu ra đề kiểm tra, chấm, trả bài kiểm tra định kì cho HS theo quy định. Qua việc xem một số bài kiểm tra của HS Trường Tiểu học A.L, chúng tôi nhận thấy, việc chấm, trả bài định kì cho HS được tuân theo quy định và có sự phản hồi kết quả bằng đánh giá mang tính xây dựng, giúp HS biết mình đã tiến bộ như thế nào, những mảng kiến thức/kĩ năng nào có sự tiến bộ. Để quản lý tốt hơn công tác này, hiệu trưởng cần có kế hoạch, phương pháp kiểm tra, đánh giá thường xuyên, định kì và đột xuất các tập, vở bài tập, phiếu bài tập, các bài làm kiểm tra của HS mà GV đã đánh giá và nhận xét theo Văn bản hợp nhất 03/2016/VBHN-BGDDT Ban hành Quy định đánh giá HS tiểu học (Bộ GD-ĐT, 2016).

2.2.7. Thực trạng quản lý chủ thể hoạt động học tập

Bảng 8. Thực trạng quản lý chủ thể HĐHT

STT	Nội dung	CBQL			GV		
		ĐTB	ĐLC	TB	ĐTB	ĐLC	TB
1	Lập kế hoạch phát huy vai trò chủ thể tích cực học tập của HS	3,17	1,02	2	3,05	0,62	3
2	Triển khai thực hiện phát huy được vai trò chủ thể tích cực học tập của HS	3,08	1,15	3	3,13	0,59	2
3	Chỉ đạo thực hiện phát huy vai trò của chủ thể tích cực học tập của HS	3,58	1,22	1	3,32	0,78	1
4	Kiểm tra, đánh giá vai trò chủ thể tích cực của HS	3,00	1,02	4	2,90	0,65	4

Bảng 8 cho thấy, hiệu trưởng các trường đã chỉ đạo GV hướng dẫn HS thực hiện học tập, giúp các em phát huy được vai trò của chủ thể tích cực trong học tập đạt hiệu quả cao, nội dung này được đánh giá ở mức tốt “Chỉ đạo thực hiện phát huy vai trò của chủ thể tích cực học tập của HS” (ĐTB: CBQL: 3,58; GV: 3,32 xếp thứ 1). Nội dung

“Triển khai thực hiện phát huy được vai trò chủ thể tích cực học tập của HS” được CBQL và GV đánh giá cao với điểm trung bình lần lượt là 3,08, xếp thứ 3 và 3,13, xếp thứ 2. Bên cạnh đó, nội dung “Kiểm tra, đánh giá vai trò chủ thể tích cực của HS” được CBQL và GV đánh giá chưa cao, đều xếp thứ bậc 4 (CBQL 3,00 điểm, GV: 2,90). Điều này cho thấy, hiệu trưởng các trường chưa thực hiện hiệu quả công tác kiểm tra, đánh giá vai trò chủ thể tích cực trong học tập của HS, điều này có thể hạn chế tính tích cực chủ động tự học trong học tập của HS.

Trao đổi với cô N.T.N.P - tổ trưởng chuyên môn Trường Tiểu học NH, cô cho biết: “Kết quả học tập các em không cao là do GV chưa thường xuyên kiểm tra, đánh giá, nêu rõ điểm mạnh cũng như hạn chế của HS để phát huy khả năng, nỗ lực của các em trong học tập”.

Như vậy, kết quả khảo sát cho thấy, công tác kiểm tra, đánh giá vai trò chủ thể tích cực của HS chưa đạt hiệu quả. Vì vậy, để quản lý tốt nội dung này đòi hỏi sự nỗ lực rất lớn từ hiệu trưởng trong việc chỉ đạo sát sao, tổ chức kiểm tra, đánh giá nhiều hơn về vai trò phát huy chủ thể trong học tập của GV và HS để đạt được mục tiêu của Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 đối với cấp tiểu học.

2.2.8. Mức độ ảnh hưởng của các nguyên nhân dẫn đến thực trạng quản lý hoạt động học tập của học sinh

Bảng 9. Mức độ ảnh hưởng của các nguyên nhân dẫn đến thực trạng quản lý HĐHT của HS

TT	Nội dung	CBQL			GV		
		ĐTB	ĐLC	TB	ĐTB	ĐLC	TB
1	Các chủ trương, chính sách về GD-ĐT	2,83	0,41	5	2,71	0,52	9
2	Sự quan tâm của chính quyền địa phương	2,25	0,62	6	2,28	0,46	10
3	Trình độ, năng lực, phẩm chất của CBQL, GV	3,75	1,23	1	3,72	1,29	1
4	Thực hiện các chức năng, nhiệm vụ quản lý của hiệu trưởng	3,17	0,62	3	3,08	0,75	4
5	Mục tiêu, nội dung học tập	2,83	0,89	5	2,93	0,73	7
6	Việc lựa chọn, phối hợp các phương pháp, hình thức tổ chức dạy - học	3,50	0,89	2	3,58	1,08	3
7	Cơ sở vật chất, điều kiện, phương tiện, kinh phí phục vụ cho học tập	2,83	0,89	5	2,76	0,41	7
8	Chủ thể tự giác, tích cực, chủ động, sáng tạo trong học tập của HS	3,75	1,39	1	3,62	1,15	2
9	Thực hiện đánh giá kết quả học tập cho HS	3,00	0,73	4	2,95	0,55	5
10	Sự quan tâm, hỗ trợ của cha mẹ HS	3,00	0,76	4	3,02	0,77	6

Bảng 9 cho thấy, tất cả các nguyên nhân đều ảnh hưởng khá lớn đến quản lý HĐHT của HS, trong đó, các nguyên nhân ảnh hưởng nhiều nhất là “Trình độ, năng lực, phẩm chất của CBQL, GV” (ĐTB của CBQL: là 3,75; GV: 3,72) và “Chủ thể tự giác, tích cực, độc lập, sáng tạo trong học tập” (CBQL: 3,75; GV: 3,62). Điều này cho thấy, hiệu quả công tác quản lý nhà trường phụ thuộc rất lớn vào trình độ, năng lực, phẩm chất của hiệu trưởng. Đồng thời, tính tích cực chủ động học tập của HS có vai trò rất quan trọng trong việc nâng cao chất lượng học tập của HS.

Các nguyên nhân có mức độ ảnh hưởng tiếp theo là “Việc lựa chọn, phối hợp các phương pháp, hình thức tổ chức dạy - học, xếp thứ 2, 3 với ĐTB CBQL: 3,50; GV: 3,58 và “Thực hiện các chức năng, nhiệm vụ quản lý của hiệu trưởng” (ĐTB: CBQL: 3,17; GV: 3,08 xếp thứ 3, 4). Như vậy quản lý HĐHT của HS là quá trình tác động có định hướng của hiệu trưởng lên chủ thể nhằm thực hiện có hiệu quả mục tiêu bằng việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện kế hoạch, chỉ đạo và kiểm tra việc thực hiện kế hoạch. Người hiệu trưởng thực hiện tốt các chức năng quản lý thì HĐHT đạt hiệu quả cao và ngược lại. Nội dung “Thực hiện đánh giá kết quả học tập cho HS” được CBQL và GV đánh giá ảnh hưởng lớn (ĐTB: CBQL: 3,00; GV: 2,95 xếp thứ 4, 5).

Như vậy, tất cả các nguyên nhân trên đều ảnh hưởng trực tiếp đến thực trạng quản lý HĐHT của hiệu trưởng. Do đó, muốn đổi mới, nâng cao chất lượng HT, CBQL cần có những biện pháp tác động vào các nguyên nhân để đạt hiệu quả quản lý HĐHT của HS như mong muốn.

3. Kết luận

Kết quả khảo sát thực trạng công tác quản lý HĐHT của HS ở các trường tiểu học quận Ninh Kiều cho thấy, phần lớn CBQL, GV có nhận thức đúng đắn về HĐHT nhưng hiệu quả thực hiện các mục tiêu học tập chưa cao; việc lựa chọn, sử dụng các phối hợp các phương pháp chưa đa dạng, linh hoạt, thiếu kĩ thuật, đa số HS còn học theo kiểu thụ

động, chưa tự giác, tích cực, độc lập, sáng tạo trong HĐHT. Ngoài ra, phương tiện phục vụ HĐHT và công tác kiểm tra, đánh giá kết quả học tập cho HS chưa được quan tâm đúng mức. Các năng lực học tập của HS chưa đạt cao, chỉ mức trên trung bình. Hiệu trưởng các trường thực hiện lập kế hoạch, tổ chức, chỉ đạo, đánh giá HĐHT của HS còn hạn chế, chỉ đạt kết quả trung bình - khá. Các chức năng quản lý được hiệu trưởng thực hiện tương đối tốt, HĐHT đạt hiệu quả nhất định nhưng vẫn còn một số hạn chế như việc chỉ đạo thực hiện đổi mới phương pháp học tập hướng tới mục tiêu nâng chất lượng, tổ chức triển khai thực hiện đổi mới phương pháp học tập vào thực tiễn đạt hiệu quả chưa cao, việc tổ chức bồi dưỡng năng lực sử dụng các phần mềm, khai thác thông tin trên Internet chưa được quan tâm nhiều. Chính vì vậy, hiệu quả quản lý HĐHT còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục như hiện nay.

Thực trạng về quản lý HĐHT nêu trên là cơ sở đề xuất biện pháp quản lý HĐHT của HS nhằm góp phần nâng cao chất lượng HĐHT cho HS ở các trường tiểu học quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ.

Tài liệu tham khảo

- Bộ GD-ĐT (2016). *Thông tư số 03/VBHN-BGDĐT ngày 28/9/2016 ban hành quy định đánh giá học sinh tiểu học*.
- Bộ GD-ĐT (2018). *Chương trình giáo dục phổ thông - Chương trình tổng thể* (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT).
- Lê Văn Hồng, Lê Ngọc Lan, Nguyễn Văn Thành (1998). *Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Nguyễn Văn Định (2019). *Một số biện pháp quản lý hoạt động học tập của học sinh các trường trung học phổ thông vùng Đồng bằng sông Cửu Long*. Tạp chí Giáo dục, số 454, tr 15-19.
- Nguyễn Văn Tý (2019). *Quản lý hoạt động học tập của học sinh người dân tộc thiểu số ở các trường trung học cơ sở huyện hướng hóa, tỉnh Quảng Trị*. Tạp chí Giáo dục, số 467, tr 20-26.
- Phạm Minh Hạc (1996). *Một số vấn đề giáo dục và khoa học giáo dục*. NXB Giáo dục.
- Phạm Viết Vượng (1996). *Giáo dục học đại cương*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Thủ tướng Chính phủ (2012). *Quyết định số 711/QĐ-TTg ngày 13/6/2012 phê duyệt "Chiến lược phát triển giáo dục 2011-2020"*.
- Vũ Dũng (2008). *Từ điển Tâm lý học*. NXB Từ điển Bách khoa.